

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU - TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lô Văn Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phan Thị Duệ và ông Hà Văn Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Tăng Thành Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Bà Trần Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xử án Tòa gia đình và người chưa thành niên, Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử (lần thứ hai) số 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lô Thị N. Sinh năm 2000.

Trú tại: Bản Ch P, xã Ch Th, huyện Q C, tỉnh N A.

Tạm trú: Bản H T 2, xã C T, huyện Q C, tỉnh N A.

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**- Bị đơn:** Anh Lộc Văn T. Sinh năm 1998.

Trú tại: Bản Ch P, xã Ch Th, huyện Q C, tỉnh N A.

Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lô Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị N và anh Lộc Văn T chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 02/2017, đến ngày 29/11/2018 mới tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn, chị Nghĩa và anh Thái về chung sống cùng gia đình bố mẹ chồng tại bản C P, xã C T, huyện Q C, tỉnh N A. Quá trình chung sống không hòa hợp, không có sự san sẻ, tôn trọng, vun đắp để xây dựng hạnh phúc gia đình, thường xuyên bất đồng quan điểm, sống không hạnh phúc nên từ tháng 02/2023, chị N đã trở về nhà bố mẹ đẻ tại bản H T 2, xã C T, huyện Q C, tỉnh N A để sinh sống. Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, quan hệ vợ chồng không còn tình cảm và không còn hạnh phúc. Vì vậy, chị Lô Thị N đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lộc Văn T.

- Về quan hệ con cái: Chị Lô Thị N và anh Lộc Văn T có 01 người con chung là Lộc Thị Yên N, sinh ngày 21/11/2017, ngoài ra chị N không có con riêng và vợ chồng không nhận ai làm con nuôi. Hiện nay cháu N đang sinh sống cùng với anh T và bố mẹ của anh T tại bản C P, xã C T, huyện Q C, tỉnh N A. Quá trình nộp đơn khởi kiện chị N đề nghị giao con chung cho anh T nuôi dưỡng và sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi tháng 500.000<sup>d</sup> (Năm trăm nghìn đồng). Quá trình lấy lời khai, chị N và anh T thống nhất chị N sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000<sup>d</sup> (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tuy nhiên, quá trình kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì anh T không có mặt tại Tòa án để làm việc và hiện nay đi làm ăn xa, không biết đi đâu, làm gì, không rõ thời điểm trở về nên chị N thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện đó là yêu cầu được giao nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị N cũng trình bày thêm rằng nếu trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án mà anh T tiếp tục có mặt tham gia, đồng thời anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu được nhận nuôi dưỡng con chung cũng như cấp dưỡng nuôi con thì chị N vẫn đồng ý nhường cho anh T được nuôi dưỡng con chung và sẽ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi tháng 1.000.000<sup>d</sup> (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Về tài sản và nợ: Chị Lô Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị N không yêu cầu bố mẹ của anh T là ông Lộc Văn H và bà Vi Thị L phải trích chia công sức đóng góp trong thời gian làm dâu trong gia đình.

\* Theo biên bản lấy lời khai được lập vào ngày 07/6/2024 có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Lộc Văn T trình bày: Anh T đã nhận được bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo do chị N gửi qua đường bưu điện, đồng thời đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án, không có tài liệu chứng cứ gì giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về quan hệ tình cảm: Anh T và chị N làm đám cưới và về chung sống với gia đình bố mẹ của anh T tại bản C P, xã C T, huyện Q C, tỉnh N A từ tháng 02/2017, đến ngày 29/11/2018 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Vợ chồng chung sống với gia đình bố mẹ anh T đến cuối năm 2018 thì làm nhà và ra sinh sống riêng tại bản C P, xã C T, huyện Q C, tỉnh N A. Quá trình chung sống hạnh phúc, cuộc sống chung diễn ra bình thường không có mâu thuẫn gì trầm trọng, anh Thái cũng không đánh đập gì chị N. Anh T cho rằng chị N muốn ly hôn là do từ khi chị N đi làm ăn ở các tỉnh phía bắc từ khoảng tháng 5 năm 2023 thì sau đó có quen biết và có tình cảm yêu đương với người đàn ông khác nên muốn ly hôn với anh T để đi lấy người đàn ông khác. Anh T và chị N ly thân nhau từ tháng 12 năm 2023 cho đến nay, nhưng anh T cho rằng hiện nay bản thân vẫn còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn.

- Về quan hệ con cái: Anh T thống nhất như chị N trình bày về con chung, ngoài ra anh T không có con riêng và vợ chồng không nhận con nuôi. Hiện nay con chung đang sinh sống với anh T và bố mẹ của anh T tại bản C P, xã C T, huyện Q C, tỉnh N A. Anh T làm nghề lao động tự do, thường ngày đi xe gỗ, khai thác cây keo thuê, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng 4.000.000<sup>d</sup> (Bốn triệu đồng), có nhà cửa, nơi ở ổn định nên nếu ly hôn thì anh T yêu cầu được nhận nuôi dưỡng con chung và yêu cầu chị N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000<sup>d</sup> (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành.

- Về tài sản và nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã trực tiếp giao cho anh T Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng sau đó anh T đã không có mặt để tham gia làm việc mà không có lý do. Tòa án tiếp tục gửi Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh T thông qua chính quyền địa phương tổng đạt nhưng anh T vẫn không có mặt tham gia. Cán bộ Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã thì được biết, sau khi nhận được Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án thì cán bộ UBND xã đã tiến hành tổng đạt cho anh T nhưng do anh T không có mặt ở nhà và vắng mặt khỏi địa phương nên đã không tổng đạt trực tiếp được, vì vậy đã gọi điện thoại thông báo cho anh T biết nội dung văn bản tố tụng của Tòa án. Quá trình chuẩn bị xét xử, cán bộ Tòa án đã trực tiếp tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa, tuy nhiên do anh T không có mặt ở nhà và địa phương nên đã tiến hành lập biên bản về việc không tổng đạt được các văn bản tố tụng nêu trên và niêm yết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn có mặt trong quá trình giải quyết vụ án đến thời điểm trước khi bắt đầu tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì vắng mặt cho đến khi xét xử, bị đơn đã có tình không chấp hành, trốn tránh, đi khỏi địa phương, gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án, không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Lô Thị N được ly hôn với anh Lộc Văn T; đề nghị giao con chung là Lộc Thị Yến N, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2017 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lộc Văn T. Đề nghị không xem xét, giải quyết về quan hệ tài sản và nợ. Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, buộc chị Lô Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình. Nguyên đơn và bị đơn đều có đăng ký thường trú tại bản C P, xã C T, huyện Q C, tỉnh N A. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Châu theo quy định tại khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt phù hợp quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt từ giai đoạn kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án mặc dù đã được thông báo, tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án. Xét thấy, bị đơn có nơi cư trú rõ ràng, có tham gia quá trình giải quyết vụ án nhưng không đầy đủ, cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, hiện nay đi làm ăn xa, không

có mặt tại địa phương, ngoài ra bị đơn không có yêu cầu phản tố. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ tình cảm: Hôn nhân giữa chị Lô Thị N và anh Lộc Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị N cho rằng quá trình chung sống không hòa hợp, không có tiếng nói chung, không có sự san sẻ, tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, nay chị Nghĩa không còn quan tâm hay còn tình cảm với anh T nữa, vì vậy chị N nhất quyết ly hôn với anh T. Còn anh T cho rằng cuộc sống chung hạnh phúc, diễn ra bình thường không có mâu thuẫn gì trầm trọng và hiện nay đang còn tình cảm với chị N nên không đồng ý ly hôn với chị N. Anh T có mặt trong quá trình lấy lời khai nhưng vắng mặt từ giai đoạn kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án mà không có lý do. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được hiện nay anh T không có mặt ở nhà và đi khỏi địa phương, cố tình trốn tránh, che giấu địa chỉ, không hợp tác và gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án, anh T đã không chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Xét thấy, chị N và anh T đã có một thời gian sống ly thân nhau, mặt khác chị N và anh T đều thừa nhận rằng thời gian chị N đi làm ăn ở các tỉnh phía bắc thì đã quen biết và có tình cảm yêu đương với người đàn ông khác, điều này đã chứng tỏ rằng hôn nhân giữa anh T và chị N không còn hạnh phúc nữa, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, cho chị Lô Thị N được ly hôn với anh Lộc Văn T, điều này là phù hợp với thực tế cuộc sống và cũng là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con cái: Chị Lô Thị N và anh Lộc Văn T có một người con chung là Lộc Thị Yến N, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2017. Quá trình nộp đơn khởi kiện, chị N yêu cầu giao con chung cho anh T nuôi dưỡng và bản thân sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 500.000<sup>d</sup> (Năm trăm nghìn đồng). Quá trình giải quyết vụ án thì chị N và anh T thống nhất chị N sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000<sup>d</sup> (Một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tuy nhiên, sau đó anh T vắng mặt trong quá trình kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hòa mà không có lý do, hiện nay anh T không có mặt ở nhà và đi khỏi địa phương nên chị N yêu cầu được giao nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc giao nuôi dưỡng con chung chưa thành niên xuất phát từ việc cần phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt để cho con có thể phát triển bình thường, ăn học, khôn lớn và trưởng thành, đồng thời cũng xem xét đến khả năng của người được giao nuôi dưỡng con chung. Thấy rằng hiện nay bản thân anh T không có mặt tại địa phương, không rõ đi đâu, làm gì, không rõ về tình trạng sức khỏe và thu nhập như thế nào, không biết thời điểm trở về. Bản thân chị N có sức khỏe, thu nhập ổn định, có nơi ở và hiện nay đang sinh sống ổn định tại địa phương. Do đó, việc giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp với điều

kiện thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lộc Văn T. Sau này nếu giữa các bên có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và nợ: Chị Lô Thị N và anh Lộc Văn T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra chị N không yêu cầu bố mẹ của anh T là ông Lộc Văn H và bà Vi Thị L trích chia công sức đóng góp trong thời gian làm dâu trong gia đình nên miễn xét. Sau này nếu giữa các bên có yêu cầu giải quyết về chia tài sản và nợ chung thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Chị Lô Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

- Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lô Thị N. Cho chị Lô Thị N được ly hôn với anh Lộc Văn T.

- Về quan hệ con cái: Giao con chung là Lộc Thị Yến N, sinh ngày 21 tháng 11 năm 2017 cho chị Lô Thị N nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Lộc Văn T.

Anh Lộc Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích chung về mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Chị Lô Thị N phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009840 ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Châu, tỉnh Nghệ An. Chị Lô Thị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Các bên đều được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- Nguyên đơn, bị đơn;
- VKSND h Quỳnh Châu; VKSND tỉnh Nghệ An;
- Phòng KTNV&THAHS TAND tỉnh Nghệ An;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Châu;
- UBND xã Châu Thuận, huyện Quỳnh Châu;
- Lưu hồ sơ vụ án; lưu VP.

**Lô Văn Linh**